

Số: 08/2025/QĐST-HNGĐ

Kim Bôi, ngày 08 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị C**, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm L, xã L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm L, xã L, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Bùi Văn T.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn nhau.
 - Về con chung: Chị Trần Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Bùi Ngọc T1, sinh ngày 10/01/2010 và Bùi Ngọc H, sinh ngày 04/8/2012.

Anh Bùi Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị Trần Thị C với mức với mức là 1.000.000 đồng/01 tháng đối với mỗi con (Cả 02 con là 2.000.000 đồng/01 tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng thực hiện vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2025.

Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị C tự nguyện nộp cả 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền chị Trần Thị C đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0005318 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Phú Thọ); chị C đã nộp đủ các khoản tiền án phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Phú Thọ;
 - VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
 - Phòng THADS Khu vực 13 - Phú Thọ;
 - UBND xã Cao Dương, tỉnh Phú Thọ
- ĐKKH ngày 23/12/2007;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Mạnh